

PHỤ LỤC SỐ 02

**Kèm theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28/12/ 2012 của Bộ Tài chính
Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ,
doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp
bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài**

DANH MỤC VÀ MẪU BÁO CÁO TÀI CHÍNH ÁP DỤNG CHO DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

STT	Tên báo cáo tài chính	Ký hiệu
I	Báo cáo tài chính năm	
01	Bảng Cân đối kế toán	Mẫu số B 01 - DNPNT
02	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mẫu số B 02 - DNPNT
03	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mẫu số B 03 - DNPNT
04	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	Mẫu số B 09 - DNPNT
II	Báo cáo tài chính giữa niên độ	
01	Bảng Cân đối kế toán (dạng đầy đủ)	Mẫu số B 01a - DNPNT
02	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (dạng đầy đủ)	Mẫu số B 02a - DNPNT
03	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (dạng đầy đủ)	Mẫu số B 03a - DNPNT
04	Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	Mẫu số B 09 a - DNPNT

I. MẪU BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

1. Bảng Cân đối kế toán

Đơn vị báo cáo:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số B 01 - DNPNT

(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày ... tháng ... năm ... (1)

Đơn vị tính:.....

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm (3)	Số đầu năm (3)
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100			
(100=110+120+130+140+150+190)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110			
1. Tiền	111	V.01		
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129		(...)	(...)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			
1. Phải thu của khách hàng	131			
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	V.25.1		
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2			
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Các khoản phải thu khác	135	V.03		
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(...)	(...)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141	V.04		
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(...)	(...)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.25.3		
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1			
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158			
VIII- Tài sản tái bảo hiểm	190	V.25.5		
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191			
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN				
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200			
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
4.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1			

4.2. Phải thu dài hạn khác	218.2			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(...)	(...)
II. Tài sản cố định	220			
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08		
- Nguyên giá	222			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(...)	(...)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(...)	(...)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(...)	(...)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(...)	(...)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(...)	(...)
V. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270			
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300			
I. Nợ ngắn hạn	310			
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
2. Phải trả cho người bán	312			
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	V.25.2		
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2			
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16		
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316	V.17		
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18		
9. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1			
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
13. Dự phòng nghiệp vụ	329	V.25.4		
13.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1			
13.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2			
13.3. Dự phòng dao động lớn	329.3			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		

3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400			
Vốn chủ sở hữu	410	V.22		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(...)	(...)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440			

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm (3)	Số đầu năm (3)
1. Tài sản thuê ngoài 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công 3. Nợ khó đòi đã xử lý 4. Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm 5. Ngoại tệ các loại	V.24		

Ng- ời lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán tr- ởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày ... tháng ... năm ...
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại số thứ tự chỉ tiêu và “Mã số”.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì “Số cuối năm” có thể ghi là “31.12.X”; “Số đầu năm” có thể ghi là “01.01.X”.

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị báo cáo:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số B 02 - DNPNT

(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC

ngày 28/12/2012 của BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm.....

PHẦN I- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Đơn vị tính:.....

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	4	5
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11		
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12		
4. Thu nhập khác	13		
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20		
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23		
9. Chi phí khác	24		
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50		
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		

PHẦN II- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính:.....

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3) Trong đó: - Phí bảo hiểm gốc - Phí nhận tái bảo hiểm - Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01 01.1 01.2 01.3	VI.26.1		
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2) Trong đó: - Tổng phí nhượng tái bảo hiểm - Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02 02.1 02.2	VI.26.2		
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01-02)	03			
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2) Trong đó: - Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm - Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04 04.1 04.2	VI.27.1 VI.27.2		
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10= 03+04)	10			
6. Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2) Trong đó: - Tổng chi bồi thường - Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11 11.1 11.2			
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12			
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13			
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14			
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	VI.28.1		
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16			
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2) Trong đó: - Chi hoa hồng bảo hiểm - Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17 17.1 17.2	VI.28.2		

13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18			
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19= 10 - 18)	19			
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20			
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21			
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22= 20 -21)	22			
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	VI.29		
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	VI.30		
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 -24)	25			
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.33.1		
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 19 + 22 + 25 – 26)	30			
23. Thu nhập khác	31			
24. Chi phí khác	32			
25. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)	50			
27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31		
28. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 - 52)	60			
30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày ... tháng ... năm ...
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Thực hiện theo Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành (Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp).

4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Đơn vị báo cáo:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số B 09 - DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm(1)

I - Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

- 1- Hình thức sở hữu vốn
- 2- Lĩnh vực kinh doanh.
- 3- Ngành nghề kinh doanh
- 4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

II - Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày....../...../..... kết thúc vào ngày/...../.....).
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

III - Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

- 1- Chế độ kế toán áp dụng
- 2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
- 3- Hình thức kế toán áp dụng

IV - Các chính sách kế toán áp dụng

- 1 - Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.
Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.
- 2 - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho.
- 3 - Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:
 - Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính);
 - Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính).
- 4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:
 - Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư;
 - Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.
- 5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:
 - Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát;
 - Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn;
 - Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác;
 - Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn.
- 6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:
 - Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay;
 - Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ;
- 7 - Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước;
 - Chi phí khác;
 - Phương pháp phân bổ chi phí trả trước;
 - Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại.
- 8 - Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.
- 9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.
- 10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:
- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.
 - Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.
 - Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.
 - Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.
- 11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:
- Phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm;
 - Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm (trong đó nêu rõ phương pháp và tiêu thức phân bổ chi phí hoa hồng bảo hiểm theo phương pháp trích lập dự phòng bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính);
 - Doanh thu hoạt động khác;
 - Các khoản giảm trừ doanh thu;
 - Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản;
 - Doanh thu hoạt động tài chính.
- 12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí.
- Chi bồi thường;
 - Chi phí khai thác bảo hiểm, trong đó:
 - + Chi hoa hồng bảo hiểm (trong đó nêu rõ phương pháp và tiêu thức phân bổ chi phí hoa hồng bảo hiểm theo phương pháp trích lập dự phòng bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính);
 - + Chi phí khai thác bảo hiểm khác;
 - Chi dịch vụ đại lý;
 - Các khoản giảm trừ chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm, thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%);
 - Chi phí hoạt động kinh doanh bất động sản;
 - Chi hoạt động tài chính.
- 13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.
- 14 - Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.
15. Nguyên tắc trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.
- 16- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng nghiệp vụ:
- Dự phòng phí chưa được hưởng;
 - Dự phòng bồi thường;
 - Dự phòng dao động lớn.

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

(Đơn vị tính:.....)

01- Tiền (Mã số 111)	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	...	...
- Tiền gửi ngân hàng	...	...
- Tiền đang chuyển	...	...
Cộng	...	...
02 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã số 120):	Cuối năm	Đầu năm
	Số lượng	Số lượng
	Giá trị	Giá trị
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (chi tiết cho từng loại cổ phiếu)	-	-
- Trái phiếu đầu tư ngắn hạn (chi tiết cho từng loại trái phiếu)	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
- Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/ loại cổ phiếu, trái phiếu:		
+ Về số lượng		
+ Về giá trị		
03 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Mã số 135)	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	...	...
- Phải thu người lao động	...	...
- Phải thu khác	...	...
Cộng	...	...
04 - Hàng tồn kho (Mã số 141)	Cuối năm	Đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	...	...
- Công cụ, dụng cụ	...	...
- Hàng hoá bất động sản	...	...
Cộng giá gốc hàng tồn kho	...	...
05 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (Mã số 154)	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	...	...
-	...	...
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	...	...
Cộng	...	...
06 - Phải thu dài hạn nội bộ (Mã số 213)	Cuối năm	Đầu năm
- Cho vay dài hạn nội bộ	...	...
- ...	...	...
- Phải thu dài hạn nội bộ khác	...	...
Cộng	...	...
07 - Phải thu dài hạn khác (Mã số 218)	Cuối năm	Đầu năm
- Ký quỹ bảo hiểm;	...	...
- Ký quỹ, ký cược dài hạn khác;	...	...
- Các khoản tiền nhận uỷ thác;	...	...
- Cho vay không có lãi;	...	...
- Phải thu dài hạn khác.	...	...

Cộng

...

...

08 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Mã số 221):

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	...	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm						
- Mua trong năm						
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
- Thanh lý, nhượng bán	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
- Giảm khác	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
Số dư cuối năm						
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm						
- Khấu hao trong năm						
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
- Thanh lý, nhượng bán	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
- Giảm khác	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
Số dư cuối năm						
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
- Tại ngày đầu năm						
- Tại ngày cuối năm						

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

09- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính (Mã số 224):

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	...	TSCĐ hữu hình khác	Tài sản cố định vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính							
Số dư đầu năm							
- Thuê tài chính trong năm							
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							
- Tăng khác							
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
- Giảm khác	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
Số dư cuối năm							
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm							
- Khấu hao trong năm							
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							
- Tăng khác							
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
- Giảm khác	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
Số dư cuối năm							
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính							
- Tại ngày đầu năm							
- Tại ngày cuối năm							

* Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm:

* Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm:

* Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản:

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình (Mã số 227):

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	...	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu năm						
- Mua trong năm						
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp						
- Tăng do hợp nhất kinh doanh						
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
- Giảm khác	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
Số dư cuối năm						
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm						
- Khấu hao trong năm						
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
- Giảm khác	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)	(...)
Số dư cuối năm						
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình						
- Tại ngày đầu năm						
- Tại ngày cuối năm						

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác:

-
-

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Mã số 230):

Cuối năm

Đầu năm

- Tổng số chi phí XD CB dở dang:

...

...

Trong đó (Những công trình lớn):

+ Công trình.....

...

...

+ Công trình.....

...

...

+

...

...

12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư (Mã số 240):

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

* *Thuyết minh số liệu và giải trình khác:*

- (a) Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư;
- (b) Thời gian sử dụng hữu ích của bất động sản đầu tư hoặc tỷ lệ khấu hao sử dụng;
- (c) Nguyên giá và khấu hao lũy kế tại thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ;
- (d) Tiêu chuẩn cụ thể mà doanh nghiệp áp dụng trong trường hợp gặp khó khăn khi phân loại bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng và với tài sản giữ để bán trong hoạt động kinh doanh thông thường;
- (e) Các chỉ tiêu thu nhập, chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản, gồm:
 - Thu nhập từ việc cho thuê;
 - Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh (bao gồm chi phí sửa chữa và bảo dưỡng) phát sinh từ bất động sản đầu tư liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê trong kỳ báo cáo;
 - Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh (bao gồm chi phí sửa chữa và bảo dưỡng) phát sinh từ bất động sản đầu tư không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê trong kỳ báo cáo.
- (f) Lý do và mức độ ảnh hưởng đến thu nhập từ hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư;
- (g) Nghĩa vụ chủ yếu của hợp đồng mua, xây dựng, cải tạo, nâng cấp hoặc bảo dưỡng, sửa chữa bất động sản đầu tư;
- (h) Trình bày những nội dung sau (không yêu cầu thông tin so sánh):
 - Nguyên giá bất động sản đầu tư tăng thêm, trong đó: Tăng do mua bất động sản và tăng do vốn hoá những chi phí sau ghi nhận ban đầu;
 - Nguyên giá bất động sản đầu tư tăng do sáp nhập doanh nghiệp;
 - Nguyên giá bất động sản đầu tư thanh lý;
 - Nguyên giá bất động sản đầu tư chuyển sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho và ngược lại.
- (i) Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán, lập báo cáo tài chính. Khi doanh nghiệp không thể xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư thì doanh nghiệp phải thuyết minh:
 - Danh mục bất động sản đầu tư;
 - Lý do không xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

13- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 258)

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a- Đầu tư vào công ty con (chi tiết cho cổ phiếu của từng công ty con) Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư/ loại cổ phiếu của công ty con: + Về số lượng (đối với cổ phiếu) + Về giá trị	-	-	-	-
b- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Chi tiết cho cổ phiếu của từng công ty liên doanh, liên kết) Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư/loại cổ phiếu của công ty liên doanh, liên kết: + Về số lượng (đối với cổ phiếu) + Về giá trị	-	-	-	-
c- Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-

- Đầu tư cổ phiếu	-	-	-	-
- Đầu tư trái phiếu		-		-
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu		-		-
- Cho vay dài hạn				
- Ủy thác đầu tư				
- Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/loại cổ phiếu, trái phiếu:				
+ Về số lượng (đối với cổ phiếu, trái phiếu)				
+ Về giá trị.				
14. Chi phí trả trước dài hạn (Mã số 261)		Cuối năm	Đầu năm	
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ		...	...	
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		...	...	
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		...	...	
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình		...	...	
- Chi phí khai thác bảo hiểm		...	...	
Cộng		...	...	
15- Vay và nợ ngắn hạn (Mã số 311)		Cuối năm	Đầu năm	
- Vay ngắn hạn		...	...	
- Nợ dài hạn đến hạn trả		...	...	
Cộng		...	...	
16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Mã số 314)		Cuối năm	Đầu năm	
- Thuế giá trị gia tăng		...	...	
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		...	...	
- Thuế xuất, nhập khẩu		...	...	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		...	...	
- Thuế thu nhập cá nhân		...	...	
- Thuế tài nguyên		...	...	
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		...	...	
- Các loại thuế khác		...	...	
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		...	...	
Cộng		...	...	
17- Chi phí phải trả (Mã số 316)		Cuối năm	Đầu năm	
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		...	...	
- ...		...	...	
Cộng		...	...	
18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (Mã số 319)				
(1)- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng (Mã số 319.1)		Năm nay	Năm trước	
- Số dư đầu năm		...	...	
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm		...	...	
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm		...	...	
- Số dư cuối năm		...	...	
(2)- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (Mã số 319)		Cuối năm	Đầu năm	
- Tài sản thừa chờ giải quyết		...	...	
- Kinh phí công đoàn		...	...	

- Bảo hiểm xã hội	...	...
- Bảo hiểm y tế	...	...
- Bảo hiểm thất nghiệp	...	...
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	...	...
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	...	...
Cộng	...	...

19- Phải trả dài hạn nội bộ (Mã số 332)

- Vay dài hạn nội bộ	...	...
- ...	...	...
- Phải trả dài hạn nội bộ khác	...	...

Cộng

20- Vay và nợ dài hạn (Mã số 334)

Cuối năm Đầu năm

a- Vay dài hạn

- Vay ngân hàng	...	...
- Vay đối tượng khác	...	...
- Trái phiếu phát hành	...	...

b- Nợ dài hạn

- Thuê tài chính	...	...
- Nợ dài hạn khác	...	...

Cộng

- Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống						
Trên 1 năm đến 5 năm						
Trên 5 năm						

21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Mã số 262 và Mã số 335)

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:	Cuối năm	Đầu năm
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	...	...
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	...	...
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	...	...
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	...	...
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	...	...

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	...	...
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được	...	...

ghi nhận từ các năm trước
 - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

... ..

22- Vốn chủ sở hữu (Mã số 410)

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	...	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8		9
Số dư đầu năm trước										
- Tăng vốn trong năm trước										
- Lãi trong năm trước										
- Tăng khác										
- Giảm vốn trong năm trước										
- Lỗ trong năm trước										
- Giảm khác										
Số dư cuối năm trước										
Số dư đầu năm nay										
- Tăng vốn trong năm nay										
- Lãi trong năm nay										
- Tăng khác										
- Giảm vốn trong năm nay										
- Lỗ trong năm nay										
- Giảm khác										
Số dư cuối năm nay										

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp của Nhà nước
- Vốn góp của các đối tượng khác
- ...

Cuối năm

Đầu năm

... ..

... ..

Cộng

... ..

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

* Số lượng cổ phiếu quỹ:

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Năm nay

Năm trước

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- + Vốn góp đầu năm
- + Vốn góp tăng trong năm
- + Vốn góp giảm trong năm
- + Vốn góp cuối năm
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

d) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:.....
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:.....
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:.....

đ) Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi
- Số lượng cổ phiếu được mua lại
- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi

Cuối năm Đầu năm

... ...

* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :.....*

e) Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ dự phòng tài chính
- Quỹ dự trữ bắt buộc
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

-
-
-

24- Tài sản thuê ngoài

Cuối năm Đầu năm

(1) Giá trị tài sản thuê ngoài

- TSCĐ thuê ngoài
- Tài sản khác thuê ngoài

... ...

(2) Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn

- Từ 1 năm trở xuống
- Trên 1 năm đến 5 năm
- Trên 5 năm

... ...

25.1- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm (Mã số 131.1)

Cuối năm Đầu năm

- Phải thu phí bảo hiểm gốc

... ...

Trong đó:

- + Phải thu của bên mua bảo hiểm
- + Phải thu của đại lý bảo hiểm
- + Phải thu của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

... ...

+ Phải thu của các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	...	...
- Phải thu phí nhận tái bảo hiểm	...	...
- Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	...	...
- Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	...	...
- Phải thu khác (thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%...)	...	...
Cộng		

25.2- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm (Mã số 312.1)	Cuối năm	Đầu năm
- Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	...	...
- Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	...	...
- Phải trả bồi thường bảo hiểm	...	...
- Phải trả hoa hồng bảo hiểm	...	...
- Phải trả khác	...	...
Cộng	...	...

25.3. Chi phí trả trước ngắn hạn (Mã số 151)	Năm nay	Năm trước
(1) Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		
- Số dư đầu năm	...	...
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm	...	...
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong năm	...	...
- Số dư cuối năm	...	...
(2) Chi phí trả trước ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
....	...	...
Cộng	...	...

25.4. Dự phòng nghiệp vụ (Mã số 329)

25.4.1- Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	Năm nay			Năm trước		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
1	2	3	4=2-3	5	6	7=5-6
1. Dự phòng bồi thường	...	...	...	...	...	...
Trong đó:						
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết.	...	...	...	...	...	...
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo (nếu doanh nghiệp xác định được chỉ tiêu này thì	...	...	...	...	...	...

phải thực hiện ngay, nếu chưa xác định được thì chậm nhất doanh nghiệp phải xác định để trình bày từ 31/12/2014).						
2. Dự phòng phí chưa được hưởng.	...	...	...	...	...	...
Cộng	...	...	...	...	...	...

- Trong đó chi tiết:

(1)- Dự phòng bồi thường	Năm nay			Năm trước		
	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
1	2	3	4=2-3	5	6	7=5-6
1.Số dư đầu năm	...	...	...	...	...	...
2. Số trích lập thêm hoặc hoàn nhập trong năm (Thuyết minh chi tiết cơ sở của việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng (nếu định lượng được), ví dụ: Thay đổi ước tính về <i>chi phí bồi thường bình quân; thay đổi số vụ bồi thường bình quân...</i>)	...	...	...	...	...	...
3. Số dư cuối năm	...	...	...	...	...	...

(2)- Dự phòng phí chưa được hưởng	Năm nay			Năm trước		
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
1	2	3	4=2-3	5	6	7=5-6
1.Số dư đầu năm	...	...	...	...	...	...
2.Số trích lập thêm hoặc hoàn nhập	...	...	...	...	...	...

trong năm						
3.Số dư cuối năm	...	...	...	...	...	...

25.4.2 - Dự phòng dao động lớn	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	...	...
- Số trích lập thêm trong năm	...	...
- Số sử dụng trong năm	(...)	(...)
- Số dư cuối năm	...	...

25.5 - Tài sản tái bảo hiểm (Mã số 190)

- Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm

- Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm

Cuối năm

Đầu năm

...

...

...

...

Cộng

...

...

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Phần II)

	Năm nay	Năm trước
26.1- Doanh thu phí bảo hiểm (Mã số 01)		
- Phí bảo hiểm gốc (<i>chi tiết cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm</i>)	...	...
- Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc (Giảm phí, hoàn phí bảo hiểm gốc)	(...)	(...)
- Phí nhận tái bảo hiểm (<i>chi tiết cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm</i>)	...	...
- Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm (Giảm phí, hoàn phí nhận tái bảo hiểm)	(...)	(...)
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(...)	(...)
Cộng	...	...
26.2- Phí nhượng tái bảo hiểm (Mã số 02)		
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm (<i>chi tiết cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm</i>)	...	...
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(...)	(...)
Cộng	...	...
27.1- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm (Mã số 04.1)	Năm nay	Năm trước
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	...	...
- Giảm trừ hoa hồng (Hoàn hoa hồng, giảm hoa hồng)	(...)	(...)
Cộng	...	...
27.2- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Mã số 04.2)	Năm nay	Năm trước
- Thu phí về dịch vụ đại lý	...	...
+ Giải quyết bồi thường	...	...
+ Yêu cầu đòi người thứ ba bồi hoàn	...	...
+ Xử lý hàng đã bồi thường 100%	...	...
+ ...	...	...
- Thu phí giám định tổn thất	...	...

- Doanh thu khác	...	...
Cộng	...	...
28.1- Tổng chi bồi thường bảo hiểm (Mã số 15)	Năm nay	Năm trước
(1) Chi bồi thường	...	...
- Tổng chi bồi thường (<i>chi tiết cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm</i>)	...	...
- Các khoản thu giảm chi (Thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	(...)	(...)
(2) Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(...)	(...)
(3) Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	...	...
(4) Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(...)	(...)
Cộng	...	...
28.2- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Mã số 17)	Năm nay	Năm trước
- Chi hoa hồng bảo hiểm	...	...
- Chi về dịch vụ đại lý (giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn)	...	...
- Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	...	...
- Chi quản lý đại lý bảo hiểm	...	...
- Chi đề phòng, hạn chế tổn thất	...	...
- Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định (Chi lập quỹ bảo vệ người được bảo hiểm...)	...	...
- Chi khác	...	...
Cộng	...	...
29- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 23)	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	...	...
- Lãi đầu t- trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	...	...
- Lãi do bán các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	...	...
- Cổ tức, lợi nhuận đ- ợc chia	...	...
- Lãi bán ngoại tệ	...	...
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	...	...
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	...	...
- Lãi bán hàng trả chậm	...	...
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	...	...
Cộng	...	...
30- Chi phí tài chính (Mã số 24)	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	...	...
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	...	...
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	...	...
- Lỗ bán ngoại tệ	...	...
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	...	...
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	...	...
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	...	...
- Chi phí tài chính khác	...	...
Cộng	...	...
31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	...	...
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	...	...
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	...	...

32- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	...	...
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	...	...
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(...)	(...)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	(...)	(...)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(...)	(...)
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	...	...
33.1. Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 24)	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	...	...
- Chi phí vật liệu	...	...
- Chi phí đồ dùng văn phòng	...	...
- Chi phí khấu hao TSCĐ	...	...
- Thuế, phí và lệ phí	...	...
- Chi phí dự phòng	...	...
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	...	...
- Chi phí bằng tiền khác	...	...
Cộng		

VII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Đơn vị tính:.....)

34- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng	Năm nay	Năm trước
a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:		
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	...	...
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu:	...	...
b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo.		
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý;	...	...
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền;	...	...
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý;	...	...
- Phần giá trị tài sản (Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ.	...	...
c) Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và t-ơng đ-ơng tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nh-ng không đ-ợc sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.		

VIII- Những thông tin khác

1. Thuyết minh các thông tin về rủi ro bảo hiểm và chính sách quản lý rủi ro của

doanh nghiệp bảo hiểm, thuyết minh tình hình bồi thường tổn thất của doanh nghiệp bảo hiểm, gồm:

1.1. Thuyết minh rủi ro bảo hiểm theo từng lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm gốc, nhận tái và nhượng tái bảo hiểm, theo từng loại nghiệp vụ bảo hiểm và theo từng khu vực địa lý ví dụ: Rủi ro từ tái bảo hiểm, rủi ro về chi phí, rủi ro huỷ bỏ hợp đồng, rủi ro do từ sự thay đổi môi trường tự nhiên, rủi ro từ sự thay đổi môi trường xã hội – chính trị, rủi ro do thay đổi môi trường pháp lý, rủi ro do thay đổi công nghệ, rủi ro lạm phát ...

1.2- Chính sách của doanh nghiệp bảo hiểm để giảm thiểu các rủi ro phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm, gồm:

- Chính sách chấp nhận rủi ro bảo hiểm;
- Phương pháp đánh giá và quản lý rủi ro phát sinh;
- Các phương pháp sử dụng để hạn chế hoặc chuyển giao rủi ro.
- Các cam kết huy động vốn vay hoặc vốn góp để chi trả khi cần thiết.

...
Khi trình bày các thông tin về rủi ro bảo hiểm, doanh nghiệp phải thuyết minh các thông tin cả rủi ro trước và rủi ro sau khi đã điều chỉnh bởi hoạt động nhượng tái bảo hiểm.

1.3. Phân tích độ nhạy của các rủi ro bảo hiểm, cụ thể:

- Phân tích về độ nhạy thể hiện việc lãi hoặc lỗ và vốn chủ sở hữu có thể bị ảnh hưởng nếu như có sự thay đổi của các biến số rủi ro có liên quan tại ngày lập báo cáo tài chính, các phương pháp và giả định được sử dụng trong việc lập phân tích độ nhạy; và các thay đổi về phương pháp và các giả định được sử dụng so với các giai đoạn trước đó, hoặc

- Thông tin định tính về độ nhạy và các thông tin về các điều khoản và điều kiện của hợp đồng bảo hiểm mà có ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị, thời gian và tính không chắc chắn của các luồng tiền trong tương lai của doanh nghiệp bảo hiểm.

1.4. Phân tích mức độ tập trung của các rủi ro bảo hiểm, bao gồm mô tả việc ban lãnh đạo quyết định mức độ tập trung và mô tả về tính chất chung mà có thể xác định đối với mỗi loại (ví dụ loại sự kiện bảo hiểm, khu vực địa lý hoặc loại tiền tệ).

1.5. Thuyết minh về tình hình bồi thường để so sánh các khoản bồi thường thực tế so với số liệu ước tính trước đây thông qua “Bảng tổng hợp số liệu về tình hình bồi thường” như sau:	Năm tổn thất					Tổng số
	2014	2015	2016	2017	2018	
Năm bồi thường	1	2	3	4	5	6
I. Số ước tính chi bồi thường lũy kế						
1	...	...	...	...	...	
2	...	...	...	...		
3	...	...	...			
4	...	...				
5	...					
Số ước tính chi bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (1)	...	...	...	...	...	...
II. Số đã chi trả bồi thường lũy kế						
1	...	...	...	...	...	
2	...	...	...	...		
3	...	...	...			
4	...	...				
5	...					
Số đã chi trả bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (2)	...	...	...	...	...	...
III. Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết (3) = (1) – (2)	...	...	...	...	...	...
IV. Ước thặng dư hoặc thâm hụt dự phòng bồi thường (4)	...	...	...	...	...	...
V. Tỷ lệ % thặng dư hoặc thâm hụt dự phòng trên số ước tính chi bồi thường (5) = (4)/(1)*100%	...	...	...	...	...	...

2- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

3- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

4- Thông tin về các bên liên quan:

5- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 “Báo cáo bộ phận” (2):

6- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

7- Thông tin về hoạt động liên tục:

8- Những thông tin khác. (3)

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Những chỉ tiêu không có thông tin, số liệu thì không phải trình bày nhưng không được đánh lại số thứ tự các chỉ tiêu.

(2) Chỉ áp dụng cho công ty niêm yết.

(3) Doanh nghiệp được trình bày thêm các thông tin khác xét thấy cần thiết cho người sử dụng báo cáo tài chính.

II. MẪU BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (dạng đầy đủ)

Đơn vị báo cáo:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số B 01a – DNPNT

(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý.... năm ...

Tại ngày... tháng... năm...

Đơn vị tính:.....

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100			
(100)=110+120+130+140+150				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110			
1. Tiền	111			
... (*)				

Ghi chú: (*) Nội dung các chỉ tiêu và mã số trên báo cáo này tương tự như các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán năm - Mẫu số B01-DNPNT.

Lập, ngày ... tháng ... năm

Ng- ời lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán tr- ợng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (dạng đầy đủ)

Đơn vị báo cáo:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số B 02a – DNPNT
(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý ... Năm.....

PHẦN I- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Chỉ tiêu	Mã số	Quý...		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	4	5	6	7
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm					
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư					
...(*)					

PHẦN II- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính:.....

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý...		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3) Trong đó: - Phí bảo hiểm gốc - Phí nhận tái bảo hiểm - Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01 01.1 01.2 01.3					
...(*)						

Ghi chú: (*) Nội dung các chỉ tiêu và mã số trên báo cáo này tương tự như các chỉ tiêu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm - Mẫu số B02-DNPNT.

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

Ng- ời lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán tr- ưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ: Thực hiện theo Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành (Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp).

4- Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc

Đơn vị báo cáo:

Địa chỉ:

Mẫu số B 09a - DNPNT

(Ban hành theo TT số 232/2012/TT-BTC
ngày 28/12/2012 của BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Quý ... năm ...

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ

1. Hình thức sở hữu vốn.
2. Lĩnh vực kinh doanh.
3. Ngành nghề kinh doanh.
4. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày .../.../... kết thúc vào ngày .../.../...).
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
3. Hình thức kế toán áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ phải công bố việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm gần nhất là cùng áp dụng các chính sách kế toán như nhau. Trường hợp có thay đổi thì phải mô tả sự thay đổi và nêu rõ ảnh hưởng của những thay đổi đó.

V. Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong kỳ kế toán giữa niên độ

1. Giải thích về tính thời vụ hoặc tính chu kỳ của các hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán giữa niên độ.

2. Trình bày tính chất và giá trị của các khoản mục ảnh hưởng đến tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, thu nhập thuần, hoặc các luồng tiền được coi là yếu tố không bình thường do tính chất, quy mô hoặc tác động của chúng.

3. Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu và giá trị lũy kế tính đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, cũng như phần thuyết minh tương ứng mang tính so sánh của cùng kỳ kế toán trên của niên độ trước gần nhất.

4. Tính chất và giá trị của những thay đổi trong các ước tính kế toán đã được báo cáo trong báo cáo giữa niên độ trước của niên độ kế toán hiện tại hoặc những thay đổi trong các ước tính kế toán đã được báo cáo trong các niên độ trước, nếu những thay đổi này có ảnh hưởng trọng yếu đến kỳ kế toán giữa niên độ hiện tại.

5. Trình bày việc phát hành, mua lại và hoàn trả các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn.

6. Cổ tức đã trả (tổng số hay trên mỗi cổ phần) của cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi (nếu có).

7. Trình bày doanh thu và kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý dựa trên cơ sở phân chia của báo cáo bộ phận (Áp dụng cho công ty niêm yết).

8. Trình bày những sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ chưa được phản ánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ đó.

9. Trình bày những thay đổi trong các khoản nợ tiềm tàng hoặc tài sản tiềm tàng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

10. Trình bày tình hình thu phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và tình hình nhượng tái bảo hiểm (*chi tiết cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm*)

11. Trình bày tình hình chi bồi thường bảo hiểm gốc, nhận tái bảo hiểm và số thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm.

12. Trình bày tình hình biến động của dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường trích trên tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhượng tái bảo hiểm.

13. Trình bày tình hình thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và chi hoa hồng bảo hiểm.

14. Các thông tin khác.

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)